

Bản án số: 314/2024/HS-PT
Ngày 07 tháng 5 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 187/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo Néang Sóc R, Đỗ Văn T; Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1/. **Néang Sóc R**; giới tính: Nữ; sinh ngày 27/02/1987 tại tỉnh An Giang; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang;住所: số C Đường số F, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơmer; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Châu P, sinh năm 1947 và bà Néang Sà Y, sinh năm 1946 (chết); Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2021 đến nay, tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (có mặt)

2/. **Đỗ Văn T**; giới tính: Nam; sinh ngày 06/7/1977 tại tỉnh Nam Định; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số E, Đường C, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;住所: D N, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đỗ Duy L, sinh năm 1934 và bà Lê Thị T1, sinh năm 1936 (chết); Có vợ là Trần Thị Lệ Q, sinh năm 1991 và 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ

sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/12/2022 đến nay, tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (có mặt)

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1/. Luật sư Vũ Thanh H của Văn phòng luật sư Vũ Thanh H thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa chỉ định cho bị cáo Néang S, Đỗ Văn T. (có mặt)

2/. Luật sư Nguyễn Văn X và Luật sư Trần Minh T2 của Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn T. (cả hai vắng mặt)

(Trong vụ án, còn có bị cáo Phạm Hùng T3, Nguyễn Bảo D và 14 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 15 giờ 10 phút ngày 25/8/2021, tại trước nhà số B N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ tuần tra phòng chống Covid-19 theo Chỉ thị 16/TTg của Thủ tướng Chính phủ thuộc Công an quận T phát hiện Phạm Hùng T3 điều khiển xe máy hiệu Waves, màu đen, biển số 59L1-271.04 chở Nguyễn Văn S có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra, Tổ tuần tra phát hiện trong ba lô màu đen của T3 có 28 xấp tiền Đô la Mỹ, mỗi xấp có 100 tờ mệnh giá 100 USD, tổng cộng là 280.000USD. T3 khai là tiền giả nên Tổ tuần tra lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T3 và thu giữ vật chứng liên quan.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Hùng T3 khai nhận số tiền giả bị thu giữ mua của đối tượng tên T4 ở Campuchia thông qua đối tượng Néang S. Mở rộng điều tra, lúc 21 giờ 00 phút ngày 25/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T tiến hành khám xét nơi ở của Néang S tại nhà số C Đường số F, khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ: 01 xấp tiền, gồm 88 tờ có mệnh giá 100 USD (8.800 USD); 01 giấy cam kết giao nhận số tiền 260.000 USD giả vào ngày 09/8/2021; 01 máy đếm tiền; 01 máy tính laptop hiệu HP và 420.000.000 đồng tiền Việt Nam.

Cùng ngày, Công an quận T tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Néang Sóc R. Qua làm việc với Néang Sóc R và Phạm Hùng T3 khai: R biết Đỗ Văn T do T4 giới thiệu và cung cấp số điện thoại, khi R thực hiện việc giao nhận tiền cho T3 đều thông báo cho T biết và T được hưởng lợi 7.000.000 đồng/lóc (mỗi lóc gồm 10.000 USD). T3 gọi điện cho Nguyễn Bảo D để liên hệ ngân hàng đổi tiền USD, T3 và D thỏa thuận nếu D đổi được sẽ hưởng 65% tiền bán được, còn T3 35%.

Xác định hành vi của Nguyễn Bảo D và Đỗ Văn T có liên quan đến vụ án, nên ngày 05/12/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra quyết định khởi tố bị cáo và

lệnh bắt tạm giam đối với T, D, đồng thời tiến hành khám xét nơi ở của các bị cáo, tuy nhiên không thu giữ được vật chứng liên quan đến vụ án.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận như sau:

- Néang Sóc R khai nhận: Khoảng tháng 7/2021, thông qua người của T4 (Thy người Campuchia, quen biết khi cả hai khám bệnh tại Việt Nam, là người cung cấp tiền USD giả cho R) ở Việt Nam, cung cấp số điện thoại và giới thiệu cho R quen biết với Đỗ Văn T để xử lý tiền USD giả mà T4 cung cấp. R gặp T nhiều lần và giới thiệu mình tên “Ú”, R nói với T là có nguồn tiền USD, phát hành năm 2006, ai đổi được thì giới thiệu. R liên lạc với T qua số điện thoại và ứng dụng WhatsApp và gửi cho T xem ảnh hình tờ tiền đôla Mỹ mệnh giá 100USD, phát hành năm 2006. Sau đó, T giới thiệu cho R số điện thoại của Phạm Hùng T3 để R liên lạc giao dịch đổi tiền đôla Mỹ, R liên lạc với T3 thông qua ứng dụng WhatsApp để thực hiện giao dịch mua bán tiền đôla Mỹ giả 02 lần, cụ thể:

+ Lần 01: Sau khi biết được T3 xử lý được tiền đôla Mỹ, phát hành năm 2006, R đã gọi điện cho T4 báo tìm được người xử lý tiền đôla M và được T4 báo sẽ gửi tiền cho R (thông qua người của T4) số tiền 260.000 đôla Mỹ (gồm 26 lốc, mỗi lốc gồm 10.000 USD), yêu cầu R kiểm tra lại khi nhận được tiền. Sau khi nhận được tiền, R gọi điện cho T báo đã nhận được tiền và hỏi T trao đổi như thế nào về tỷ lệ mua bán, phần thụ hưởng. T báo lại là đã trao đổi với T3, phần thụ hưởng của T là 7.000.000 đồng/lốc (mỗi lốc gồm 100 tờ mệnh giá 100 USD), giá bán là 65.000.000 đồng/lốc. Sau đó, R báo lại cho T4 về phần thụ hưởng của T là 7.000.000 đồng/lốc và được T4 đồng ý.

Ngày 04/8/2021, R giao cho T3 260.000 đôla Mỹ giả (gồm 26 lốc, mỗi lốc 10.000 USD) và có biên bản giao nhận tiền tại công viên phường T, Quận G. Sau đó, R gọi điện thông báo cho T biết đã giao cho T3 260.000USD. Theo thỏa thuận về tỷ lệ giao dịch mua bán tiền USD giả thì T3 phải giao cho R tổng số tiền là 1.690.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 10/8/2021, R chỉ nhận của T3 1.600.000.000 đồng, còn 90.000.000 đồng R gọi điện cho T báo T3 sẽ chuyển khoản cho T số tiền này (trả tiền T như đã thỏa thuận về tiền thụ hưởng), còn việc T3 chuyển cho T bao nhiêu tiền thì R không biết. Sau đó, ngày 11/8/2021, R đã chuyển khoản cho T 105.000.000 đồng tiền thụ hưởng như đã thỏa thuận. R đã chuyển cho T4 số tiền khoảng 980.000.000 đồng thông qua dịch vụ chuyển tiền trên đường L, Quận A (R không nhớ rõ địa chỉ). Ngoài ra, quá trình khám xét tại nơi ở của R thu giữ thêm 420.000.000 đồng, số tiền còn lại R đã chuyển cho những người sau: chuyển 31.000.000 đồng vào tài khoản S2 mang tên BUI VAN HOA để thanh toán tiền thuê nhà và chi tiêu sinh hoạt hàng ngày; chuyển 25.000.000 đồng vào tài khoản S2 mang tên CAO BA HUY để trả nợ; chuyển 23.300.000 đồng vào tài khoản S2 mang tên NGUYEN TUAN KIET để trả nợ; chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản S2 mang tên LE THI THU MANH để trả nợ; chuyển 6.600.000 đồng vào tài khoản A mang tên T9 để trả nợ; chuyển 5.000.000 đồng vào tài khoản S2 mang tên CHAU SOC NUONG để cho mượn.

+ Lần 02: Khoảng giữa tháng 8/2021, T4 gọi cho R báo có tiền đôla M sẽ giao cho R để giao dịch với T3 đổi tiền. R tiếp tục gọi cho T báo có tiền đôla Mỹ, phát hành năm 2006 cần đổi thì được T nói liên hệ T3 vì T đang bị cách ly theo Chỉ thị 16. Sau đó, R liên hệ với T3 để cùng đi nhận tiền đôla M từ người của T4, gồm 29 lốc, mỗi lốc 10.000USD. Sau đó, R về nhà đếm lại chỉ có 28 lốc đủ, mỗi lốc là 10.000USD, một lốc chỉ có 8.800 USD. Ngày 24/8/2021, tại Đường số A, khu H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, R giao cho T3 280.000USD giả với thỏa thuận: T3 sẽ thanh toán cho R 1.820.000.000 đồng (65.000.000 đồng/lốc gồm 10.000 USD giả), còn giấy biên nhận tiền và lốc không đủ (8.800 USD) R để ở nhà. Sau đó, R gọi điện thông báo cho T biết đã giao cho T3 280.000 USD (gồm 28 lốc mỗi lốc 10.000 USD) với giá 65.000.000 đồng/lốc và số tiền thụ hưởng cũng như lần 1, T đồng ý. T chưa nhận tiền thụ hưởng từ giao dịch này do R và T3 bị Công an quận T bắt vào ngày 25/8/2021.

- Phạm Hùng T3 khai nhận: Khoảng tháng 6/2021, T3 quen biết với Đỗ Văn T (lưu danh bạ điện thoại là “Ah Trung”) do anh Lê Thành T5 (là bạn của T3 giới thiệu). Trước đó, T3 đã quen biết với Đỗ Văn T nhưng từ năm 2018, T3 không liên lạc với T nữa. Tại quán cà phê, T3 có nói với T là xử lý được tiền ngoại tệ hết hạn vì có bộ giấy tờ, hồ sơ của Đại sứ quán M1. Khoảng tháng 7/2021, T giới thiệu Neáng S với T3 để giao dịch đổi tiền ngoại tệ hết hạn (Đô la Mỹ).

Khoảng ngày 05, 06/8/2021, T gọi điện thoại cho T3 (gọi bằng số điện thoại và ứng dụng WhatsApp) nói R có nguồn tiền đôla Mỹ, phát hành năm 2006 đã hết hạn cần đổi (khoảng 26 lốc, mỗi lốc gồm 100 tờ mệnh giá 100USD) nên nhờ T3 xử lý, mọi việc cứ liên hệ với T. T nói với T3 tỷ lệ quy đổi là 65.000.000 đồng/lốc. Đến ngày 09/8/2021, T cho T3 số điện thoại của R, sau đó T3 liên hệ với R để giao dịch nhận tiền. R gửi định vị cho T3 qua ứng dụng WhatsApp để đi đến nơi giao dịch (công viên phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại đây, T3 nhận tiền đôla M và ký biên bản giao nhận tiền với R nhưng không kiểm đếm lại số tiền đô la Mỹ này. Sau đó, T3 liên hệ N (không rõ lai lịch, địa chỉ, số điện thoại 0367.759.847) nhờ N giới thiệu người biết mối quan hệ trong ngân hàng để bán 260.000USD giả. Sau đó, T3 được N giới thiệu Nguyễn Bảo D. Ngày 09/8/2021, T3 liên lạc với D và được D nói đem 260.000USD đến Ngân hàng V1 - Chi nhánh T10 để bán (T3 nói với D là loại đôla cũ). Tại đây, T3 vào giao dịch nhưng không bán được 260.000USD giả do nhân viên ngân hàng nói tiền cũ (Ngân hàng V1 - C1 xác nhận ngày 09/8/2021, T3 và D có đến ngân hàng đổi tiền USD). Sau đó, T3 đưa D số tiền 260.000USD giả (được để trong hộp giấy đựng trong túi nylon màu đen) và thỏa thuận nếu D bán được toàn bộ số tiền đôla Mỹ này thì sẽ được hưởng 65% và 35% còn lại T3 sẽ nhận, D không có kiểm đếm số tiền 260.000USD này.

Ngày 10/8/2021, D thông báo đã đổi thành công số tiền 250.000USD (T3 không biết D đổi ở đâu, ngân hàng nào và nhờ thông qua ai), số tiền 260.000USD nhận từ T3 không đủ, chỉ có 258.000USD. D đã đến khách sạn Central P1 (số C N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) nơi T3 đang ở để đưa cho T3 1.800.000.000 đồng (T3 nhận tiền trên xe của D và được D chuyển khoản thêm

cho Tuấn 170.000.000 đồng). Sau đó, T3 gọi điện cho T thông báo đã đổi tiền thành công và được T yêu cầu giao tiền cho R. T3 thông báo chỉ có 1.600.000.000 đồng tiền mặt, còn thiếu 90.000.000 đồng thì T nói đưa tiền mặt cho R và chuyển khoản 90.000.000 đồng cho T. Sau đó, T3 giao cho R số tiền 1.600.000.000 đồng và ngày 11/8/2021, T3 chuyển cho Trung 80.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng S2 của T (còn nợ 10.000.000 đồng) tiền môi giới giữa T3 với R, chuyển 60.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng H6 mang tên LE THI NGOC VAN để làm từ thiện, chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản T11 mang tên NGUYEN VAN HOANG cho mượn, chuyển 4.300.000 đồng vào tài khoản Vietcombank mang tên TRAN MANH CUONG thanh toán tiền mua máy tính xách tay; số tiền còn lại T3 đưa cho bạn gái là Lê Thị Ngọc V để làm từ thiện.

Khoảng ngày 18, 19/8/2021, T tiếp tục gọi điện thoại cho T3 nói liên lạc với R để qua B lấy hộp đồ. Ngày 24/8/2021, T3 gọi cho R và cùng R, Nguyễn Bảo D và người tài xế đi qua B lấy đồ. Khi đến địa điểm lấy đồ, R lấy hộp đồ (không biết bên trong chứa gì) từ một người đàn ông đi xe máy Honda Dream, sau đó cả 04 người ra về. Sau đó, T3 liên lạc với R hỏi bao giờ giao tiền đi đổi thì R báo sẽ giao tiền tại địa điểm như lần 1. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, tại công viên phường T, Quận G, R đưa cho T3 01 hộp (giống hộp người đàn ông đã đưa cho R tại B). T3 có mở hộp ra xem thì thấy bên trong có chứa tiền đô la Mỹ. Sau đó, T3 ký biên bản nhận 280.000USD với R và ra về. Sau khi nhận tiền thành công, T3 gọi và nhắn tin (qua ứng dụng WhatsApp) thông báo cho T là đã nhận tiền thành công. T3 điện thoại cho N (không rõ nhân thân, lai lịch) để nhờ người giới thiệu bán số USD giả và được N giới thiệu H1 (không rõ nhân thân, lai lịch). T3 liên lạc với H1 và được H1 giới thiệu K (không rõ nhân thân, lai lịch) để gặp người của K thực hiện việc mua bán USD giả với thỏa thuận bên K sẽ nhận được 50% tổng số tiền khi bán thành công số tiền USD nêu trên, K nói với T3 đã liên hệ với Nguyễn Văn S để đi cùng T3 ra ngân hàng đổi tiền. Trưa ngày 25/8/2021, T3 chạy xe máy biển kiểm soát 59L1-27.104 đến khách sạn L2 ở quận T để đón S. T3 chở S đến Ngân hàng E (số A C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) để đổi tiền nhưng nhân viên ngân hàng không đổi nên T3 và S đi ra ngoài cùng số tiền 280.000 USD giả thì bị Cơ quan Công an kiểm tra bắt quả tang. T3 biết số tiền USD nhận từ R là tiền giả vì tờ tiền mệnh giá 100USD có đặc điểm không nổi lên bằng màu, đường kẻ ngang chìm không có.

- Đỗ Văn T khai nhận: Khoảng tháng 6/2021, T biết Phạm Hùng T3 khi cùng anh Lê Thành T5 đi uống cà phê. T3 nói với T5 có bộ giấy tờ Công hàm của Liên Hợp Q1 và Chính phủ Việt Nam có thể xử lý được tiền đô la Mỹ, phát hành năm 2006, chưa lưu hành được thành tiền lưu hành bình thường nên khoảng đầu tháng 8/2021, khi được R thông báo có nguồn tiền đô la Mỹ phát hành năm 2006, chưa lưu hành được, biết ai xử lý thì giới thiệu. Sau đó, T5 đã cho R số điện thoại của T3 để hai người liên lạc và tự giao dịch, T5 chỉ giới thiệu để lấy tiền môi giới, cụ thể:

+ Lần 1: Khoảng tối ngày 9, 10/8/2021, R thông báo cho T5 biết đã giao dịch thành công với T3 khoảng 26 lốc tiền đô la Mỹ gồm 260.000USD (mỗi lốc

100 tờ mệnh giá 100USD) và sẽ cho T5 tiền giới thiệu 7.000.000 đồng/lốc như thỏa thuận. Ngày 11/8/2021, R chuyển khoản cho T5 105.000.000 đồng (trong đó 66.000.000 đồng trả tiền thụ hưởng mua bán đô la Mỹ, 39.000.000 đồng trả nợ cho T5) và T3 chuyển khoản tiền thụ hưởng 80.000.000 đồng, còn nợ 10.000.000 đồng. T5 sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân.

+ Lần 2: Khoảng chiều ngày 24/8/2021, R gọi điện thông báo cho T5 đã giao thành công cho T3 280.000USD phát hành năm 2006, chưa lưu hành được (mỗi lốc gồm 100 tờ mệnh giá 100 USD), giá tiền USD và phần thụ hưởng của T5 như lần 01. Sau đó, T5 nhắn tin cho T3 qua ứng dụng WhatsApp hỏi “*Em nhận hàng Ok chưa???*” nhưng không nhận được tin nhắn trả lời của T3.

T5 không biết nguồn gốc số tiền đôla Mỹ mà R có được từ đâu, R chỉ nói với T5 qua điện thoại là tiền đôla Mỹ phát hành năm 2006, chưa lưu hành được. T5 nhận thức số tiền này là tiền đôla M chưa được kích hoạt, chưa được lưu thông trên thị trường, T3 có thể xử lý được vấn đề này (có thể kích hoạt, xử lý tiền đôla Mỹ “chưa được kích hoạt” thành tiền lưu hành bình thường) nên T5 đã giới thiệu R cho T3 để hưởng tiền môi giới.

T5 không biết tỷ giá giao dịch giữa R và T3 là bao nhiêu, chỉ khi giao dịch thành công thì R mới thông báo cho biết tỷ lệ giao dịch, mua bán là 65.000.000 đồng/lốc (mỗi lốc gồm 100 tờ đôla Mỹ mệnh giá 100USD) và số tiền thụ hưởng là 7.000.000 đồng/lốc. Tại thời điểm ngày 10/8/2021 (sau khi R báo đã giao dịch thành công), T5 biết tỷ giá giữa tiền đôla M và Việt Nam đồng là khoảng 22.000 đồng/USD thông qua những người cùng kinh doanh nhà đất. T5 nhận thức được việc làm của mình là sai trái và vi phạm pháp luật.

- Nguyễn Bảo D khai nhận: Khoảng tháng 7/2021, D có quen biết Phạm Hùng T3 thông qua một người anh tên N (không rõ nhân thân, lai lịch, chỉ biết ở Bình Dương). N giới thiệu D với T3 để D giúp T3 tìm ngân hàng đổi tiền đôla Mỹ (USD) cũ. Khoảng đầu tháng 8/2021, T3 gọi điện cho D hỏi có biết chỗ đổi tiền USD cũ không, T3 có khoảng 200.000 USD cũ muốn đổi, D trả lời có biết và hẹn ngày 09/8/2021 sẽ gặp nhau tại Ngân hàng V2 (số B C, Phường A, quận T, Thành phố H) để đổi tiền USD. Sau đó, D gọi điện thoại cho Kiều Bá S1 (là chú kết hôn với di ruột của D) nhờ sáng ngày 09/8/2021 chở đến Ngân h để xử lý công việc và được S1 đồng ý.

Sáng ngày 09/8/2021, S1 đón D đi đến Ngân hàng V2 gặp T3 để đổi tiền. Khi đến ngân hàng, T3 cầm 01 (một) túi nylon màu đen có khoảng 250.000USD vào bên trong Ngân hàng V2 để đổi, còn D và S1 đợi ở ngoài xe. Sau đó, T3 gọi điện cho D nói bên ngân hàng không đổi vì tiền USD mà T3 muốn đổi đã cũ, D hỏi S1 có biết ngân hàng nào đổi tiền USD không thì S1 nói để hỏi rồi báo lại sau. Sau đó, S1 nói với D biết ngân hàng đổi nhưng tính phí thì có đổi không. D hỏi lại T3 và được T3 đồng ý đổi. Sau đó, D, T3 ra xe và cùng S1 đi đến Ngân hàng V2 – Phòng G (số G - G C, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh). Khi đến ngân hàng, một mình S1 cầm túi nylon màu đen mà T3 đưa vào ngân hàng để đổi. Khoảng 20 phút sau, S1 cầm túi nylon màu đen đi ra và nói ngân hàng không

đổi vì đã gần hết giờ làm việc, hẹn chiều quay lại để đổi. Sau đó, S1 chở T3 cùng D về khách sạn N3. Đến khoảng 14h30' cùng ngày, D cùng T3 và S1 đi đến Ngân hàng V2 – Phòng G để đổi tiền USD (khoảng 258.000USD). Khi đến nơi, một mình S1 mang túi nylon màu đen chứa tiền USD vào ngân hàng để đổi nhưng không đổi được vì số lượng tiền USD đổi lớn nên ngân hàng không đủ nhân viên để kiểm đếm và hẹn sáng ngày 10/8/2021 quay lại. Sau đó, S1 chở T3 về khách sạn nơi T3 ở. Khi đến khách sạn, T3 nói với D giữ lại số tiền USD để mai nhờ S1 đi đổi giúp T3 thì được D đồng ý. Sau đó, S1 chở D về nhà và D nói với S1 tiền USD để trên xe, mai đi làm về đổi giúp D thì được S1 đồng ý.

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 10/8/2021, S1 gọi điện thoại cho D thông báo đã đổi thành công 250.000USD được 5.700.000.000 đồng (nhận tiền mặt 4.700.000.000 đồng, ngân hàng chuyển vào tài khoản của S1 1.000.000.000 đồng) và còn 8.000 USD nữa S1 mang về (do ngân hàng không đủ tiền Việt Nam để đổi). Sau đó, D gọi cho T3 thông báo đã đổi thành công số tiền USD và được T3 yêu cầu mang tiền sang khách sạn nơi T3 ở. Khoảng 10 giờ cùng ngày, S1 chở D đến khách sạn nơi T3 ở và D là người giao 1.800.000.000 đồng cho T3 ở trong xe ô tô, D giữ lại 2.900.000.000 đồng, S1 giữ 1.000.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng. Khoảng 20 giờ ngày 10/8/2021, T3 tiếp tục gọi cho D nói đang có việc và yêu cầu chuyển thêm tiền cho T3 và được D đồng ý. Sau đó, D sử dụng tài khoản ngân hàng H7 chuyển 170.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng S3.

Ngày 12/8/2021, S1 gọi điện cho D thông báo số tiền 250.000USD mà S1 đổi ngày 10/8/2021 một số tờ tiền bị trùng số seri, không có số seri và bị mờ nên ngân hàng đưa ra 02 phương án:

+ Phương án 1: Yêu cầu S1 đổi lại số đôla Mỹ bị trùng số seri, không có số seri và bị mờ (khoảng 1500 tờ USD mệnh giá 100USD phải bù lại).

+ Phương án 2: Nếu không bù được phải hoàn trả lại số tiền 5.700.000.000 đồng để hủy giao dịch đổi tiền USD ngày 10/8/2021, khi hoàn trả lại số tiền trên thì ngân hàng sẽ hoàn trả lại tiền đôla Mỹ.

D gọi điện thông báo cho T3 và yêu cầu T3 giữ lại số tiền mà D đã đưa khoảng 2.000.000.000 đồng thì được T3 nói sẽ lấy tiền USD khác để bù vào số tiền USD bị trùng số seri, không có số seri và bị mờ. Ngày 24/8/2021, D cùng T3, S1 đi qua Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo yêu cầu của T3 để lấy tiền nhưng vẫn chưa lấy được. Sau đó, D liên tục gọi điện cho T3 nhưng không liên lạc được.

Sau đó, V2 yêu cầu S1 phải hoàn lại số tiền 5.700.000.000 đồng, số tiền này do D và S1 gom lại (S1 và D giữ 3.700.000.000 đồng, S1 mượn thêm 1.500.000.000 đồng, nhân viên ngân hàng V2 - Chi nhánh 5 góp tiền hỗ trợ 500.000.000 đồng) trả lại cho ngân hàng. Ngày 31/8/2021, S1 đã hoàn trả toàn bộ số tiền 5.700.250.000 đồng cho ngân hàng.

D không giải thích được về tỷ lệ 2.000.000.000 đồng/5.700.000.000 đồng tương đương 35% (theo như lời khai của Phạm Hùng T3 thì T3 nhận 35%, D nhận 65% tổng số tiền khi đổi thành công). Quá trình T3 nhờ D đổi giúp tiền đôla M,

T3 chỉ nói đổi giúp tiền đôla Mỹ cũ, phát hành năm 2006 vẫn lưu hành bình thường, D cũng không kiểm đếm, kiểm tra số tiền trên. Quá trình giao nhận tiền USD, tiền Việt Nam đồng thì giữa D và T3 không làm biên bản giao nhận, chỉ nói miệng với nhau và cũng không có thỏa thuận gì.

Lời khai của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Văn S khai: Khoảng 14 giờ ngày 25/8/2021, S được một người tên K (con của một người bạn) liên lạc nhờ S đi cùng Phạm Hùng T3 đến Ngân hàng E (số A C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) để đổi tiền. S không hỏi và K cũng không nói đi đổi tiền gì, mệnh giá bao nhiêu và tiền công được hưởng. Trên đường đi từ nhà đến Ngân hàng E, T3 cũng không trao đổi gì với S về số tiền đi đổi. S không biết đây là USD giả, chỉ đến khi làm việc với Công an thì S mới biết số tiền nêu trên là tiền giả.

- Nguyễn Đình Đ trình bày phù hợp với trình bày của Kiều Viêt H2, không biết số tiền này là giả và không được trả công gì.

Theo đơn trình báo của ngân hàng A - Chi nhánh X1, vật chứng thu giữ và các tài liệu liên quan: ngày 08/12/2021, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 30/QĐ-ANĐT, về tội “Lưu hành tiền giả”; đối với các đối tượng Nguyễn Đình Đ, Kiều Viêt H2 do xác định chưa đủ căn cứ nên không xử lý hình sự.

Lời khai của Kiều Bá S1 phù hợp với lời khai của Nguyễn Bảo D, S1 không biết tiền USD mà D và T3 nhờ đổi là USD giả, sau khi số đô la Mỹ còn dư do ngân hàng không đủ tiền đồng Việt Nam để đổi, ngày 11/8/2021, S1 đưa cho em trai là Kiều Viêt H2 đến đổi tại Ngân hàng A và bị phát hiện thu giữ.

Lời khai của các cá nhân T3 liên lạc và nhận tiền chuyển khoản của R và T3:

- Đào Thị H3 trình bày: Khoảng tháng 8/2021, N (H3 quen trước đó) có điện thoại cho H3 hỏi biết người nào làm ở ngân hàng không và H3 giới thiệu K (Tổng Đức K1) cho N để hai bên trao đổi công việc, còn họ trao đổi nội dung gì thì H3 không biết. H3 cũng không quen biết với Phạm Hùng T3 và không liên quan đến việc mua bán tiền USD giả.

- Nguyễn Tuấn K2, Trần Kim T6, Châu Sóc N1 trình bày không biết R có hành vi mua bán tiền USD giả và không biết tiền nhận chuyển khoản là thu lợi bất chính.

- Bùi Văn H4 trình bày: Trong thời gian ở chung nhà với Néang S, H4 có phụ giúp R như R trình bày, H4 không biết về nguồn gốc tiền USD và R cũng không nói cho H4 biết đó là tiền USD giả, số tiền 31.000.000 đồng, R chuyển vào tài khoản của H4 là để H4 trả tiền thuê nhà và chi tiêu sinh hoạt do 02 tháng trước H4 đã chi trả. Kết quả ghi lời khai và tài liệu, chứng cứ thu thập được chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với Bùi Văn H4.

- Lời khai của nhóm nhân viên Ngân hàng V2 - Phòng G, Quận E, T7 pho Hồ Chí Minh: Triệu Thanh Đ1, Nguyễn Thị Ngọc H5, Trương Xuân Q2, Nguyễn

Văn Bé T8, Võ Thế C trình bày vào ngày 10/8/2021, ngân hàng thực hiện việc đổi tiền 250.000USD và ngày 11/8/2021, phát hiện một số tờ USD bị trùng, không có số seri và bị mờ, lời trình bày của các nhân viên ngân hàng phù hợp nhau. Ngân hàng nhận sai sót trong việc chậm trễ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý do yếu tố khách quan ảnh hưởng dịch Covid-19 và khách hàng Kiều Bá S1 không ký vào biên bản tạm giữ số tiền USD nghi giả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1/. Căn cứ vào khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo N2 Sốc R 20 (hai mươi) năm tù, về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”; thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2021.

Phạt bổ sung bị cáo N2 Sốc R 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nộp sung quỹ nhà nước.

2/. Căn cứ vào khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn T 14 (mười bốn) năm tù, về tội “Lưu hành tiền giả”; thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Văn T 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Phạm Hùng T3, Nguyễn Bảo D, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 21/02/2024, bị cáo Néang Sốc R có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/02/2024, bị cáo Đỗ Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Néang Sốc R, Đỗ Văn T thay đổi yêu cầu kháng cáo, các bị cáo kêu oan, cho rằng không biết đó là tiền giả, các bị cáo chỉ biết khi cơ quan điều tra thông báo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh các bị cáo bị oan. Trong khi các chứng cứ thu thập được tại cơ quan điều tra và lời khai của các bị cáo đã có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo có hành vi tàng trữ, lưu hành tiền giả như bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo bị cáo N2 Sốc R 20 năm tù về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”; bị cáo Đỗ Văn T 14 năm tù về tội “Lưu hành

tiền giả” là phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do các bị cáo có trình độ hiểu biết thấp, không nhận thức được hành vi của mình là lưu hành tiền giả, hoàn cảnh các bị cáo khó khăn; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hiện hậu quả đã được khắc phục cho Ngân hàng để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Néang S, Đỗ Văn T làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến ngày 25/8/2021, bị cáo Néang Sóc R đã nhận từ đối tượng tên T4 (không rõ lai lịch, người Campuchia) số tiền ngoại tệ giả 546.800USD để lưu hành tại Việt Nam. Néang Sóc R được T4 giới thiệu với Đỗ Văn T; T môi giới cho R liên hệ với Phạm Hùng T3 để đổi tiền. Trong đó, T thống nhất với R và T3 giá 01 lốc (100 tờ mệnh giá 100USD) tương ứng 65.000.000 đồng; người môi giới (tức T) hưởng 7.000.000 đồng/lốc. Ngày 09/8/2021, sau khi nhận 260.000UD (thực tế là 258.000USD) từ R, T3 được đối tượng tên N (không rõ nhân thân, lai lịch) giới thiệu với Nguyễn Bảo D để đổi tiền. T3 và D thỏa thuận nếu D đổi được số ngoại tệ giả T3 giao thì D được hưởng 65%, còn lại 35% T3 nhận. Thực hiện thỏa thuận trên, ngày 10/8/2021, D đã đổi được số tiền 250.000USD (trong tổng số 258.000USD R giao cho T3, T3 giao lại cho D), thành tiền Việt Nam tương ứng 5.700.250.000 đồng tại Ngân hàng V3 chi nhánh H8; sau đó D nhờ Kiều Bá S1 đổi tiếp 8.000USD tại Ngân hàng A chi nhánh X1 thì bị phát hiện, thu giữ. Đối với số tiền 280.000USD T3 đã nhận từ R ngày 24/8/2021, T3 đang trên đường đi lưu thông thì bị lực lượng chức năng phát hiện và thu giữ.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Néang Sóc R phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”, bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “Lưu hành tiền giả” theo khoản 3 Điều 207 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo kêu oan, cho rằng các bị cáo không biết số tiền USD trên là giả, chỉ đến khi được cơ quan điều tra thông báo thì các bị cáo mới biết. Xét thấy, bị cáo N2 Sóc R bị bắt quả tang đang tàng trữ số

tiền 8.800USD giả và các vật chứng khác như giấy biên nhận giao tiền 260.000USD, máy đếm tiền. Quá trình điều tra vụ án bị cáo Néang Sóc R thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, từ việc nhận tiền từ đối tượng tên T4, sau đó thông qua môi giới của Đỗ Văn T để trực tiếp thỏa thuận việc đổi tiền với Phạm Hùng T3; việc chia tỷ lệ được hưởng sau khi đổi tiền. Lời khai của bị cáo Néang Sóc R phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án; đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ về việc trao đổi thông tin, chuyển tiền qua lại giữa các bị cáo do cơ quan điều tra thu thập được. Các bị cáo thỏa thuận với nhau giá bán 01 lốc 100 tờ mệnh giá 100 USD với giá 65.000.000 đồng/lốc, chênh lệch rất nhiều so với giá trị thực tế của tiền thật, bị cáo T hưởng công môi giới 7.000.000 đồng/lốc nhưng lại cho rằng bản thân không biết đây là tiền giả là không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, các bị cáo buộc phải biết việc đổi ngoại tệ phải được thực hiện tại các tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác được Nhà nước cấp phép; tuy nhiên các bị cáo lại thông qua các đối tượng khác để thực hiện việc đổi tiền ngoại tệ với số lượng lớn, hưởng lợi cao (bị cáo N2 Sóc R 495.000.000 đồng; bị cáo T 105.000.000 đồng) là trái với quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động quản lý tài chính, quản lý tiền tệ của Nhà nước, gây thiệt hại về tài sản cho tổ chức tín dụng và ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, phạm tội từ 02 lần trở lên, số tiền các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lớn (538.000USD). Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; xét về hoàn cảnh, bị cáo R là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, trình độ nhận thức có phần hạn chế; bị cáo T là lao động chính trong gia đình, có 02 con nhỏ phải chăm sóc; thiệt hại trong vụ án đã được khắc phục. Đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án, trên cơ sở áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo R 20 năm tù, phạt bổ sung 30.000.000 đồng và xử phạt bị cáo T 14 năm tù, phạt bổ sung 20.000.000 đồng là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Néang Sóc R, Đỗ Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Néang Sóc R, Đỗ Văn T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1/. Căn cứ vào khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo N2 Sóc R 20 (hai mươi) năm tù về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”; thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2021.

Phạt bổ sung bị cáo N2 Sóc R 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nộp sung quỹ nhà nước.

2/. Căn cứ vào khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn T 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lưu hành tiền giả”; thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Văn T 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp sung quỹ nhà nước.

3/. *Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.*

4/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/. Các bị cáo Néang Sóc R, Đỗ Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

6/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (3);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Sở Tư pháp TP.HCM (1);
- Công an TP.HCM (1);
- Trại tạm giam Công an TP.HCM (4);
- Lưu VP(3), HS(2).19b.LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy

